

TỔNG QUAN VỀ NEW ZEALAND (1)

NHỮNG THÔNG TIN CƠ BẢN:

- Diện tích: 268.680 km²
- Dân số: 4,228 triệu người
- Thủ đô: Wellington
- Các đơn vị hành chính : 16 vùng và 01 lãnh thổ
- GDP: 110 tỷ USD (2007)
- GDP bình quân đầu người: 20.107 USD
- Đồng tiền: Đôla New Zealand.
- Ngày Lễ: Quốc khánh: 2/6 (Ngày nhậm chức của Nữ Hoàng Elizabeth II)
- Quốc kỳ: Màu xanh dương tương tự quốc kỳ của Anh quốc với góc phần tư phía trên có bốn ngôi sao đỏ nằm cánh nằm giữa phần nửa ngoài quốc kỳ, những ngôi sao thể hiện chòm sao chữ thập phương nam.
- Biểu tượng của Chính phủ: Không hẳn là chính thức, hình ảnh loài chim Kiwi một loại chim nhỏ, không cánh, không bay chỉ có ở New Zealand là đại diện cho New Zealand.

Vị trí địa lý

New Zealand là quốc đảo nằm ở phía Tây Nam Châu đại dương, cách Úc về phía Đông Nam 1900 km. New Zealand có tổng diện tích 268,680 km² (trong đó, diện tích đất là 268.021 km²), tương đương với diện tích của Nhật Bản, Italia và Anh Quốc. Lãnh thổ của NZ bao gồm hai đảo chính Bắc và Nam và một số đảo nhỏ như đảo Antipodes, đảo Auckland, đảo Bounty, Campbell, Chatham và Kermadec. Điểm cực bắc và cực nam cách nhau 1.600 km. Không có đường biên giới chung trên đất liền.

Điều kiện tự nhiên

Địa hình của New Zealand đa dạng và nhiều núi, trên cả hai đảo đều có nhiều vùng bình nguyên rộng với đồng cỏ, những vùng rừng tự nhiên và nhân tạo, nhiều bãi biển cát và sông nói chung là ngắn, chảy siết và nhiều hồ. Trên một nửa diện tích đất của New Zealand là đồng cỏ và đất trồng trọt (5,54%) đất canh tác là 2850 km², hơn 1/4 diện tích đất được che phủ bằng rừng. Hơn 13% đất đai của New Zealand là núi với các loại cây mọc trên địa hình núi, có những đỉnh cao trên 3.000 mét như Aoraki- mount Cook cao 3.754 mét. Điểm thấp nhất là mặt biển châu đại dương. Sông và hồ chỉ chiếm 1% đất.

Các nguồn thiên nhiên gồm: Khí tự nhiên, quặng sắt, cát, than, gỗ, nhiệt năng, vàng và đá ong.

Nguồn nước sử dụng 397 km³. Tổng lượng nước sạch là 2,11 km³/ năm trong đó sử dụng tiêu dùng là 48%, cho ngành công nghiệp là 9% và cho nông nghiệp là 42%). Nước sạch bình quân đầu người là 524 m³/ năm.

Chấn động thiên nhiên gồm có động đất xảy ra khá thường xuyên và có hoạt động của núi lửa.

Các vấn đề hiện tại về môi trường gồm có: tái trồng rừng, xói mòn đất, hệ thực vật và động vật bị xâm lấn bởi một số loài.

Khí hậu

Khí hậu New Zealand ôn hoà được điều hoà bởi đại dương bao quanh. Ngoại trừ những khu vực hoang sơ ở đảo Nam, New Zealand không phải chịu thời tiết khắc nghiệt, quá nóng hay quá lạnh. Phần lớn, các vùng đất ở New Zealand được hưởng nhiều nắng, gió và mưa do các hệ thời tiết biến đổi nhanh từ tây sang đông. Các mùa ở đây ngược với Bắc bán cầu. Tháng Giêng là tháng nóng nhất và tháng Bảy là tháng lạnh nhất trong năm.

Lịch sử, văn hoá, xã hội và giáo dục

New Zealand có tổng số dân cư gần 4,2 triệu người, trong đó 1,2 triệu người sống tập trung tại thành phố Auckland, trung tâm thương mại lớn nhất và nằm ở đảo Bắc. 80% dân cư New Zealand sống ở thành thị. Thủ đô là Wellington, nằm ở phía cuối đảo Bắc. Christchurch là thành phố lớn nhất của đảo Nam.

Về cấu trúc độ tuổi, theo điều tra năm 2007, 20,8% dân số New Zealand có độ tuổi dưới 14 tuổi; 67,3% trong độ tuổi từ 15 tới 64 và 11,9% dân cư trên 65 tuổi.

Tỷ lệ tăng dân số là 0,95% (theo dự báo năm 2007). Tỷ lệ sinh là 1,361% và tỷ lệ chết là 0,754%. Tỷ lệ nhập cư thực tế là 0,343% tính theo mức dự báo tại 2007.

Tỷ lệ giới tính bình quân 1 nữ: 0,987 nam:

Tuổi thọ bình quân: 78,96 tuổi, trong đó, nữ là 82,08 và nam là 75,97 tuổi.

Văn hoá- Con người

Phần lớn dân cư New Zealand là người gốc Anh mang bản sắc văn hoá châu Âu bao gồm Hà lan, Hy Lạp, Italia, Pháp, Đức... New Zealand còn là ngôi nhà của người gốc đảo Thái bình dương và châu Á. Phần lớn nhất trong nhóm người không

có gốc Âu là thổ dân Maori (15% dân số). Còn có một tỷ lệ khá cao người lai giữa các chủng tộc này. Các nhóm dân tộc: Châu Âu- 69,8%; Maori- 7,9%; Gốc á- 5,7%, Đảo thái bình dương- 4,4%, khác: 0,5%, lai: 7,8% và không xác định khoảng 3,8% theo điều tra dân số năm 2001.

Tỷ lệ người biết chữ (người trên 15 tuổi có thể đọc và viết thành thạo) là 99%.

Với lượng dân cư vào khoảng 4,2 triệu người, hơn 70% dân cư sống trên 16 khu vực thành chính và 1 vùng lãnh thổ. Ngoài hai vùng lớn là Wellington và Auckland, các trung tâm vùng khác gồm có: Christchurch, Hamilton, Napier-Hastings, và Dunedin.

Hai ngôn ngữ chính thức của New Zealand là Tiếng Anh, Tiếng Maori và Ngôn ngữ tín hiệu New Zealand.

Các hoạt động thể thao và văn hoá là những khía cạnh quan trọng trong đời sống của người dân New Zealand. Hầu hết trẻ em đều tham gia vào các môn thể thao có tổ chức tại trường phổ thông trở đi, theo điều tra về Văn hoá, 93% người New Zealand trên 15 tuổi ít nhất tham gia vào một hoạt động văn hoá.

Mức sống của người New Zealand ở mức cao. Chính phủ luôn đầu tư mạnh cho y tế, giáo dục, và phúc lợi công cộng. Giáo dục là miễn phí và bắt buộc cho người dân trong độ tuổi từ 5 tới 18 tuổi. Hệ thống đào tạo đại học bao gồm 8 trường đại học, 25 trường kỹ thuật và cao đẳng. Ngày càng có nhiều du học sinh quốc tế và đặc biệt là từ châu Á sang học tập tại New Zealand. Hiện tại, số du học sinh quốc tế tại New Zealand là trên 110.000 sinh viên (12.2005).

Lịch sử của New Zealand được đánh dấu qua các sự kiện chính;

Khoảng năm 1300	Người Á từ phía Đông đặt chân tới New Zealand, nay gọi là người Maori, họ không xác định được chính gốc của mình, cái tên Maori là do người Châu Âu định cư đặt tên.
1642	Người Châu Âu đầu tiên phát hiện ra New Zealand từ Abel Tasman, Úc
1769	Thuyền trưởng Jame Cook tới New Zealand và báo về Anh Quốc.
1840	Ký Hiệp định Waitangi
1865	Thủ đô chuyển từ Auckland về Wellington
1882	Con tàu xuất khẩu thịt đông lạnh đầu tiên từ New Zealand tới Châu Âu
1891	Chính phủ
1893	Phụ nữ được quyền bầu cử
1907	New Zealand trở thành lãnh thổ tự trị, độc lập khỏi nước Anh từ 1907.

1908	Dân số New Zealand đạt tới 1 triệu người
1933	New Zealand phát hành đồng tiền riêng của mình
1947	Quốc hội theo đạo luật Westminster (1931)
1952	Dân số New Zealand đạt 2 triệu người.
1983	Ký Hiệp định CER (Hợp tác kinh tế thân thiện) với Australia.
1985	Toá án phiên Waitangi dành quyền cho người Maori đất đai tranh chấp từ năm 1840.
1987	Maori được công nhận là ngôn ngữ chính thống cùng với Tiếng Anh trở thành hai ngôn ngữ chính tại New Zealand.
1987	New Zealand trở thành khu vực không có nguyên tử.
2003	Dân số New Zealand đạt 4 triệu người.

Chính trị

New Zealand là quốc gia chủ quyền với chính phủ dân chủ nghị viện dựa trên hệ thống Westminster phương Tây. New Zealand là nước thuộc địa cũ của Anh. Người đứng đầu nhà nước trên danh nghĩa là Nữ Hoàng Anh và Nữ hoàng được đại diện bởi Toàn quyền.

Kể từ năm 1993, New Zealand thực hiện chế độ bầu cử chọn ra các thành viên của quốc hội theo hệ thống đại diện từng phần (MMP) hay tỷ lệ thành viên hỗn hợp tức là đảng cầm quyền thắng cử có thành phần hỗn hợp và chiếm đa số. Hệ thống này cho phép làm tăng thêm tầm quan trọng của chính phủ hiện tại bởi việc tham gia của nhiều đảng phái chính trị và có nhiều khả năng Chính phủ được thành lập từ một liên minh gồm nhiều đảng phái. Bầu cử được tiến hành 3 năm một lần. Số ghế tối đa trong quốc hội hiện tại là 121 chỗ.

Chính phủ hiện thời trong 3 nhiệm kỳ qua là liên minh của đảng cầm quyền (Công Đảng- Labour Party) với các đảng thiểu số ủng hộ trên các mặt lòng tin và hỗ trợ thuộc cánh tả. Cánh hữu có đại diện lớn nhất là Quốc Đảng (National Party). Từ năm 1996, có trên 6 đảng phái có mặt trong quốc hội.

Thủ tướng là người đứng đầu Chính phủ. Nội các bao gồm các Bộ trưởng được lựa chọn từ những Nghị Sĩ Quốc hội được bầu.

Hệ thống hành pháp ở New Zealand bao gồm 38 cơ quan hành chính của chính phủ để thực thi các chính sách do Chính phủ đề ra. Các thành viên Nội các tức các Bộ trưởng không ngồi tại các bộ mà làm việc trong hệ thống tại trung tâm nội các của Chính phủ- Beehive. Một bộ trưởng có thể phụ trách nhiều bộ.

Toàn bộ thể chế liên quan tới hoạt động của doanh nghiệp ở New Zealand được Quốc hội thông qua và được điều hành bởi các cơ quan hành pháp của Chính phủ.

Hệ thống luật pháp của New Zealand dựa trên mô hình chung tương tự như ở Anh và các nước phương tây khác. Hầu hết các vấn đề tội phạm, và các vấn đề dân sự nhỏ do Tòa án cấp Quận điều chỉnh. Tòa Tối cao chủ yếu liên quan tới các vấn đề dân sự và tội phạm nghiêm trọng. Có hai cấp Phúc thẩm là toà Phúc thẩm New Zealand và trong một số trường hợp cụ thể là Tòa Tối Cao. Tư pháp là hệ thống độc lập với lập pháp và hành pháp.

Các chính quyền địa phương, dưới hình thức hội đồng khu vực, quản lý 18 vùng, quản trị cộng đồng, các dịch vụ, tài nguyên, hoạt động công ích trong khu vực. Hệ thống các cơ quan quản lý vùng này được trang trải hoạt động bằng nguồn thu thuế địa phương.

New Zealand có môi trường ổn định về xã hội và chính trị cao, cũng như một hệ thống phúc lợi xã hội hiện đại.

Kinh Tế

Trước những năm 1970, Kinh tế New Zealand tăng trưởng chủ yếu dựa vào xuất khẩu nông sản sang Anh. Kể từ khi Anh tham gia vào EC năm 1973, New Zealand buộc phải chuyển sang chính sách đa dạng các quan hệ kinh tế, thương mại. Trong 20 năm qua, Chính phủ New Zealand đã chuyển New Zealand từ một nền kinh tế dựa chủ yếu vào nông nghiệp sang mở cửa thị trường và tự do hoá, nền kinh tế thị trường CNH, tự do và mang tính cạnh tranh toàn cầu cao. Sự tăng trưởng năng động đã làm bùng phát thu nhập thực và để lại đằng sau nhiều nước khác, nền kinh tế của các ngành công nghiệp rộng lớn, dựa sâu vào khả năng công nghiệp.

New Zealand thực hiện cải cách kinh tế từ năm 1985. Một cuộc cải cách kinh tế trong vòng gần một thập kỷ được coi là ví dụ điển hình về TDH' kinh tế được thực hiện bởi hàng loạt các biện pháp đồng bộ nhằm để lái nền kinh tế New Zealand sang một nền kinh tế nói tiếng Anh tự do ở mức độ cao nhất và nền kinh tế đứng vào hàng thứ 3 trên thế giới bởi hàng loạt các biện pháp về tự do kinh tế. New Zealand đã từng bước theo phương thuốc chính sách kinh tế tân cổ và lựa chọn công, trong vài trường hợp điều chỉnh chính sách lên hay xuống là dựa vào lý thuyết. Kết quả là chỉ sau một thời gian ngắn, New Zealand trở thành tâm điểm của học thuyết tự do mới.

Sự thành công của cải cách kinh tế New Zealand chỉ là khiêm tốn, Xét trên các chỉ số kinh tế thì việc thực thi là tốt. Tuy nhiên, so với các nước OECD, thì các chỉ số GDP bình quân đầu người thì lại chậm lại và giảm. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân của New Zealand trong thập kỷ 90 đạt mức 2,5%. Trong khoảng thời gian 2000- 2005, tốc độ tăng trưởng đạt 4%/ năm 2006 và 2007 đạt 2,9% và vẫn có thể duy trì được mức này trong vài năm tới. GDP hiện tại năm 2007 đạt trên 100 tỷ USD. GDP bình quân đầu người liên tục tăng trong khối nước OECD, liên

tục tăng trong vòng 8 năm và đạt tới 27.800 \$ (năm 2007) về các điều kiện sức mua tương đương.

Tiêu dùng và mua sắm chính phủ thể hiện rõ sự tăng trưởng trong những năm gần đây. Xuất khẩu tăng trưởng rõ ràng. Sau vài năm gồng mình, xuất khẩu đã chiếm khoảng 22% GDP trong năm 2007, giảm từ 33% GDP trong năm 2001. Như vậy, về lâu dài, nền kinh tế có đà tăng trưởng. Chính phủ Công Đảng cam kết sẽ chi cho các lĩnh vực, y tế, giáo dục và hưu trí ngày càng tăng về mặt tỷ trọng trong phần chi tiêu.

Áp lực về lạm phát đã hình thành trong vài năm nay và Ngân hàng TW đã tăng các mức lãi suất chính 13 lần trong vòng 4 năm từ 2004 tới 2007. Mức lãi suất tại thời điểm 1/1/2008 là 8,25%. Sự thâm hụt khá lớn về cán cân thanh toán của New Zealand đã đưa ra thêm thách thức trong việc điều hành vĩ mô nền kinh tế.

Vai trò của Chính phủ trong hoạt động kinh doanh

Chính phủ New Zealand can thiệp ở mức độ nhất định vào việc thiết lập thể chế quy định hoạt động kinh doanh. Bao gồm các quy định trong các lĩnh vực chuyển giao đất đai, công trình và xây dựng, vấn đề tranh chấp đất đai của người Maori, quản lý các nguồn lực, luật cạnh tranh, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, các quan hệ giữa các ngành, những bồi thường do tai nạn, thuế, tài chính và ngân hàng, vấn đề nhập cư, các quan hệ thương mại và đầu tư nước ngoài.

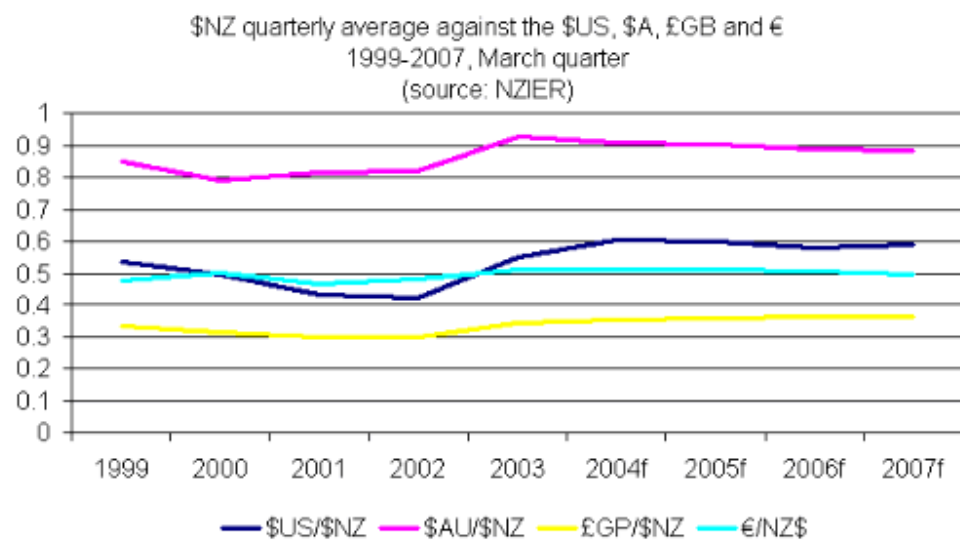
Hệ thống Tài chính và Ngân hàng

Ngân hàng Dự trữ Quốc gia (The Reserve Bank of New Zealand) giữ vai trò chính trong việc thực hiện các chính sách tiền tệ của Chính phủ theo sự điều tiết hàng năm, giám sát các hệ thống ngân hàng của New Zealand, cũng như việc đăng ký và giám sát hoạt động của các ngân hàng khác.

New Zealand có chính sách mở về đăng ký hoạt động của hệ thống ngân hàng. có một vài ngân hàng thương mại lớn và một số tổ chức ngân hàng khác hoạt động tại New Zealand. Nhiều ngân hàng quốc tế lớn có các đại diện ở New Zealand thông qua các đại lý và phòng bán hàng.

Tiền tệ

New Zealand sử dụng đồng Đô la New Zealand. Tương quan tỷ giá giữa đồng Đô la Mỹ, đồng Euro, Bảng anh và đô la Úc được thể hiện thông qua biểu đồ dưới đây (Tham khảo từ www.xe.com/ucc). Hiện tại, 1 NZ\$ tương đương giá trị 0,80 USD. Tiền xu có các mệnh giá 10, 20, 50 xen và 1, 2 Đôla. Tiền giấy có các mệnh giá 10, 20, 50 và 100 NZ\$.



Nguồn: NZIER